

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Dung

2. Bà Lưu Thị Kim Hiền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/TLST- HNGĐ ngày 10/02/2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

HKTT: Số 12 ngách 371/2 phố Kim Mã, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Chung cư C13 Bộ quốc phòng, ngõ 99 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh B, sinh năm 1991.

HKTT và nơi ở: Số 12 ngách 371/2 phố Kim Mã, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Chị T có mặt, anh B vắng mặt).

NHÂN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Thanh B có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020 tại UBND phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại số 12 ngách 371/2 phố Kim Mã, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, là nhà bố mẹ đẻ anh B. Sau một tháng chung sống chị và anh B đã phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp.

Quá trình chung sống vợ chồng chị không có sự chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng, anh B không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chị

và anh B xảy ra mâu thuẫn và cãi vã thường xuyên, anh B có hành vi xúc phạm chị và gia đình chị, có những hành vi xô đẩy chị. Khi anh B cần tiền hỏi chị vì chị thấy việc không chính đáng đã không cho mượn anh B liền chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị.

Do mâu thuẫn nên ngày 13/10/2021 chị về nhà em gái tại Chung cư C13 Bộ quốc phòng, ngõ 99 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để tạm lánh một tháng, sau đó chị lại quay về với anh B nhưng anh B vẫn không thay đổi tính cách.

Chị đã đề nghị ly hôn nhiều lần nhưng anh B không đồng ý và nói là không bỏ chị, bắt chị sống cùng để hành hạ chị.

Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã xin phép bố mẹ chồng để dọn sang ở với em gái, bố mẹ chồng chị cũng đồng ý để chị dời đi. Chị cũng nói với anh B để chị dọn đi nơi khác, anh B cũng không ý kiến gì. Do đó, từ 13/01/2023 chị và anh B đã ly thân, chị về ở với em gái tại Chung cư C13 Bộ quốc phòng, ngõ 99 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội còn anh B sống với bố mẹ của anh tại số 12 ngách 371/2 phố Kim Mã, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo cho chị được ly hôn.

Về con: Chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung.

Về công nợ: Chị và anh B không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Thanh B: Được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án nên không có lời khai của anh B.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh B đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh B.

Chị T và anh B không có con chung, không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt đương sự:

Anh Phạm Thanh B đã được tổng đạt hợp lệ phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, việc vắng mặt của anh B được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 10/11/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau.

Xét thấy, cuộc hôn nhân của chị T và anh B không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và nhà ở: Chị T và anh B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28; 144; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Thanh B.

2, Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thanh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Về tài sản và nhà ở: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thanh B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4, Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002952 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Chị T có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)